

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2024/DS-PT

Ngày: 08 – 8 – 2024

V/v: “*Tranh chấp nợ hụi*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Thủy

- *Các Thẩm phán:* Ông Võ Hoàng Khải

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Giang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Bà Phùng Bích Tuyền
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 133/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 06 năm 2024, về việc “*Tranh chấp nợ hụi*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2024/QQĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Tú L, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Bùi Khả Thiện T, sinh năm 2001; Địa chỉ: Số C N, khu V, phường V, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024*)

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị Mộng L1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Ông Trương Phú D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Số G đường H, phường E, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2024).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Phú D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Trương Tú L có người đại diện theo ủy quyền là ông Bùi Khả Thiện T trình bày:

Nguyên đơn bà Trương Tú L có tham gia nhiều dây hụi do bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng L1 và ông Trương Phú D làm chủ hụi. Vào ngày 21/9/2023 bà L1, ông D tuyên bố vỡ hụi vì lý do các hụi viên không đóng hụi chết nên không còn khả năng chi trả tiền hụi. Đến ngày 24/9/2023 bà L1, ông D làm “giấy xác nhận” (BL 44) thừa nhận nợ tiền hụi bà L với số tiền là 51.200.000 đồng. Bà L1, ông D cam kết sẽ trả trong thời gian sớm nhất nhưng sau đó không thực hiện. Sau đó, bà L làm đơn khởi kiện thì bà L1, ông D chuyển khoản trả số tiền 2.400.000 đồng. Nay, bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng L1 và ông Trương Phú D có trách nhiệm trả số tiền hụi còn nợ là 48.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng L1 trình bày:

Bà Trương Tú L có tham gia nhiều dây hụi do bà L1 làm chủ nhưng bà L1 không có kiểm tra sổ sách nên không nhớ cụ thể bao nhiêu dây hụi. Đến ngày 24/9/2023 bà L1 có làm “giấy xác nhận” nợ bà L số tiền hụi là 51.200.000 đồng. Sau khi viết giấy xác nhận bà có trả cho bà L được 2.400.000 đồng, hiện nay còn nợ bà L số tiền 48.800.000 đồng. Do không có điều kiện trả số tiền nêu trên một lần cho bà L nên bà L1 yêu cầu được trả nhiều lần. Đối với việc bà L khởi kiện ông Trương Phú D1 là không đúng do ông D1 không phải là chủ hụi.

Bị đơn ông Trương Phú D trình bày:

Ông không có làm chủ hụi và cũng không có giao dịch hụi với bà Trương Tú L. Ông có chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Mộng L1 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đối với giấy xác nhận nợ thì ông thừa nhận đó là chữ ký của ông nhưng do ông bị phía bà L gây áp lực buộc phải ký. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Tú L do không có giao dịch hụi với bà L.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều giữ nguyên lời trình bày như trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Trương Phú D và bà Nguyễn Thị Mộng L1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Tú L số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 48.800.000 (bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/03/2024, ông Trương Phú D có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, ông D không có trách nhiệm liên đới cùng bà Nguyễn Thị Mộng L1 trả tiền nợ hụi cho bà Trương Tú L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Khả Thiện T: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn Đ: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng ông D không phải là chủ hụi nên không đồng ý liên đới trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc ông D ký tên vào giấy xác nhận nợ là để bà L yên tâm chứ không phải là ký đồng ý trả nợ, ngoài ra việc hai bên ký giấy xác nhận nợ trừ căn tiền hụi là không phù hợp theo nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phượng, chỉ có bà L1 là chủ hụi mới có trách nhiệm trả tiền hụi còn nợ cho các hụi viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Nguyễn Thị Mộng L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án; Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy ngày 24/9/2023 bà L1 và ông D có ký giấy xác nhận số tiền hụi còn nợ 51.200.000^d, đã trả nhiều lần hiện còn nợ lại 48.800.000^d. Quá trình giải quyết vụ án bà L1 và ông D đều thừa nhận chữ ký trên giấy xác nhận nợ là của bà L1 và ông D. Tuy nhiên, ông D cho rằng ông bị ép buộc phải ký giấy xác nhận nợ chứ không phải là tự nguyện, lời khai của ông D không được phía nguyên đơn thừa nhận, ông D cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1

Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trương Phú D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/03/2024, ông Trương Phú D có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Trương Phú D:

Nguyên đơn bà L và bị đơn bà L1, ông D thừa nhận vào ngày 24/9/2023 các bên có làm “giấy xác nhận” với nội dung “*Tôi là Nguyễn Thị Mộng L1với cùng chồng tôi là Trương Phú D....cùng xác nhận số tiền hụi của bà Trương Tú L...còn nợ lại số tiền hụi dương là 51.200.000^d*”. Giấy xác nhận trên có đầy đủ chữ ký của bà L1, ông D và bà L. Sau khi làm giấy xác nhận nợ thì bà L1 và ông D có trả được 2.400.000^d còn nợ lại 48.800.000^d thì ngưng cho đến nay. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án bà L1 thống nhất với bản án đã tuyên, đồng ý cùng với ông D trả số tiền hụi còn nợ cho bà L là 48.800.000^d. Tại phiên tòa sơ thẩm ông D cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của ông D cho rằng ông D chỉ sống chung với bà L1 như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn, ông không có làm chủ hụi chung với bà L1 nên không đồng ý liên đới trả nợ cho bà L1, lời khai trên là không phù hợp với nội dung giấy xác nhận mà ông D đã ký trước đó với nguyên đơn; Ngoài ra, việc ông D cho rằng việc ông ký tên vào giấy xác nhận nợ là ông bị bà L ép buộc nên ông sợ ông mới ký tên nhưng ông không chứng minh được hành vi ép buộc của bà L là như thế nào, ông có trình bày ông không bị bà L uy hiếp, bà L chỉ ngồi kêu ông ký (BL48) chứng tỏ sự ép buộc mà ông nói không có căn cứ. Mặt khác, ông D có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, bà L cũng không có hành vi dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực gì đối với ông. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào giấy xác nhận để xác định ông cùng bà L1 có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi cho bà L1 là hoàn toàn có cơ sở.

[3]. Xét thấy bị đơn ông Trương Phú D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Trương Phú D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Phú D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2024/DS-ST ngày 23/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng:

- Các Điều 288, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Tú L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng L1 và ông Trương Phú D có trách nhiệm liên đới trả cho cho nguyên đơn bà Trương Tú L tổng số tiền nợ hụi là 48.800.000^d (*Bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị Mộng L1 và ông Trương Phú D phải liên đới nộp án phí với số tiền là 2.440.000^d (*Hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

2.2. Nguyên đơn bà Trương Tú L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.280.000^d (*Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) theo Biên lai số 0000638

ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trương Phú D phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0000852 ngày 06/03/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS Tp. Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đào Thị Thủy